

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5

(Phần Thượng)

Phần hai: Từ “Xưa ta ngồi đạo tràng” xuống, mười bảy hàng rưỡi tụng thiết lập phương tiện hóa độ, đây chia làm hai phần:

1. Sáu hàng rưỡi, nêu Phật nghĩ dùng Đại thừa, dự tính hóa độ nhưng không được.

2. Từ “Liên nhớ Phật quá khứ” xuống mười một hàng, nêu niệm đồng chư Phật dùng tam thừa giáo hóa xứng hợp có thể được.

- Trong sáu hàng rưỡi của phần một lại chia làm ba:

1. Một hàng rưỡi, nêu nghĩ rằng dùng Đại thừa thích nghi.

2. “Chúng sinh” xuống ba hàng, nêu chúng sinh không có căn cơ.

3. “Ta liền tự suy nghĩ” xuống hai hàng nêu nghĩ rồi thôi dùng Đại thừa giáo hóa.

“Xưa ta ngồi đạo tràng”, chí lý thì không có thời gian, tạm mượn thời gian để hóa độ chúng sinh, vì ban đầu hóa độ nên nói là “xưa”.

Giải thích theo sự:

1. Ban đầu ngồi nơi này tu trị đặc đạo, cho nên nói “đạo tràng”, ngồi dưới gốc cây tu đặc Tam Bồ-đề cho nên nói “đạo thọ”. Cảm ân cây, cho nên “quan sát” nghĩ đến đức của đất cho nên “kinh hành”. Khi thành đạo báo đền ân, muốn dùng pháp Đại thừa, nghĩ rằng thích nghi chúng sinh. Quán tâm giải thích: Thọ tức đại thọ mười hai nhân duyên, quán sâu duyên khởi, tự thành Bồ-đề, muốn dùng rừng cây pháp vô lậu che chở chúng sinh, cho nên nói quán thọ (xem cây). “Kinh hành”: Là pháp hành đạo trong ba mươi bảy phẩm Đại thừa, tự dùng đạo phẩm vượt tất cả địa, đặc thành Phật đạo, muốn dùng pháp này hóa độ chúng sinh vì vậy cho nên khởi hành. Thọ, địa không có phân biệt, đâu cần báo ân? Kinh Vị Tăng Hữu nói: Chỉ dùng thông hóa truyền pháp, gọi là báo ân. Kinh Quá Khứ Nhân Quả nói: Khi Đức Phật mới thành đạo, bảy ngày đầu tư duy pháp ta vi diệu không có người lãnh thọ, tuần thứ hai tư

duy chúng sinh thượng trung hạ căn, tuần thứ ba tư duy nên thuyết pháp cho ai nghe trước, liền đi đến thành Ba-la-nại vì năm anh em Kiều-trần-như mà thuyết Tứ đế, Kiều-trần-như đặc pháp nhãn tịnh. Ác-ty-bạc-đề, Thập lực Ca-diếp, Ma-ha-nam, Câu-lợi chưa đặc đạo. Phật thuyết Tứ đế lại lần nữa thì bốn vị ấy đặc pháp nhãn tịnh. Đức Phật lại thuyết pháp ngũ ấm vô thường, khổ, không, vô ngã, thì cả năm người đều đặc A-la-hán. Đức Phật là Phật bảo, Tứ đế là Pháp bảo, năm người và Phật là sáu A-la-hán, tức là Tăng bảo.

Sở của ngài Tiểu Vân nói khi Đức Phật mới thành đạo thì ba tuần đầu Đức Phật đã thuyết kinh Pháp Hoa. Văn dưới nói Đức Phật Tú Vương Hoa Trí ngồi dưới gốc cây Bồ-đề bảy báu thuyết kinh Pháp Hoa, nên biết nay Phật dưới cây Bồ-đề cũng thuyết Kinh Pháp hoa mà chúng sinh độn căn không kham nổi, thuận đồng chư Phật khai tam thừa giáo hóa, sau ở tại thành Vương xá thuyết nhất thừa. Nếu tìm ý của bậc trí, thì xưa dưới cây Bồ-đề thuyết Phật tuệ, sau các chỗ khác cũng thuyết Phật tuệ. Theo lệ như nay Đức Phật thuyết Kinh Hoa Nghiêm, sau thuyết Kinh Pháp Hoa, cho nên văn nói “mới thấy thân ta, nghe pháp ta thuyết, liền nhập Như Lai tuệ, trừ bỏ sự tu tập học theo Tiểu thừa trước”, nay cũng khiến nhập Như Lai tuệ, cùng nghĩa đây đồng.

Năm Tỳ-kheo: Các người nữ nghe tiên nhân thuyết pháp. Ác sinh vương sân giận chặt hai cánh tay, xẻo mũi và hai tai của tiên nhân, máu huyết biến thành sữa. Ác sinh vương là Câu-lân (Kiều-trần-như), tiên nhân là Phật. Đức Phật thệ nguyện khiến người ấy được cam lồ, khiến là người nghe pháp đầu tiên.

Hỏi: Vì sao Đức Phật ban đầu vì năm người chuyển pháp luân?

Đáp: Vì Người trước thấy đế, vì người hiện tại thấy, vì người làm chứng, vì Đức Phật hành sự nghiệp cùng với người đồng, vì chư thiên từ trong loài người mà được thiện lợi, vì trong loài người có bốn chúng.

Hỏi: Luân vương xuất thế âm thanh vang dội đến trời Tha hóa tự tại, Kiều-trần-như đặc đạo âm thanh lên đến Phạm thiên, Đức Phật đặc đạo âm thanh vang đến hội Thủ Đà (cõi Tịnh cư thiên). Vì sao vậy?

Đáp: Vì nghiệp thiện, gọi là nghiệp ca tụng, nghiệp xưng tán cha mẹ Sư trưởng, có thượng trung hạ cho nên như vậy. Nếu khiến trời Hữu Đảnh có nhĩ thức, thì âm thanh Phật cũng vang đến tận nơi đó. Luân vương hành thập thiện, thiện sinh cõi Dục thiên, Dục thiên vui mừng vì quyến thuộc của ta tăng thêm. Kiều-trần-như ly dục cho nên âm thanh thấu đến Phạm thiên, Đức Phật tối thắng đến ni-tra... Nếu y Đại thừa thì

Đức Phật đắc đạo, âm thanh dội vang đến trăm ức ni tra, lại vang khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới ni-tra... Ban đầu chỗ chuyển pháp luân, nơi cội cây Bồ-đề, ban đầu ở dưới cung trời Đao-lợi, nơi dùng đại thần thông biến hóa, bốn nơi này chư Phật đều định, còn các chỗ khác không định. Lại, trừ một chỗ chuyển pháp luân, còn ba chỗ kia đều quyết định. Ba tuần lễ đầu: Xưa nói là Phật suy tư về Lý giáo. Lại, nói khuyên răn... Sư Dao nói: “Sự” rất sâu xa, cho đến Thánh còn tư duy. Sau một tuần tư duy Phật trí vi diệu, tuần thứ hai tư duy chúng sinh căn tánh không đồng, tuần thứ ba tư duy pháp được vạn loại, liền nêu kệ làm chứng: “Trí tuệ của ta chứng đắc, vi diệu tối đệ nhất, Chúng sinh các căn độn, làm sao mà độ được?”. Nay nêu Đức Phật ở địa pháp thân, tịch mà thường chiếu, thường dùng Phật nhãn nhìn thấu khắp không bỏ nơi nào, đâu phải mới đến đạo tràng trải qua ba tuần mới tư duy sự này! Nói ba tuần là nêu cái muốn tiêu biểu. Tiêu biểu Đức Phật ban đầu muốn ba vòng thuyết pháp, nên tạm nói ba tuần đó thôi! Tuần đầu tư duy pháp thuyết, tuần thứ hai tư duy thí thuyết, tuần thứ ba tư duy nhân duyên thuyết, đều không có căn cơ nào mà không đắc. Vì vậy cho nên dùng Đại thiết lập Tiểu. Đây là căn cứ riêng Đại thừa Viên giáo mà giải thích. Nếu thông thường căn cứ Đại thừa giải thích, thì tuần đầu tư duy muốn thuyết Đại thừa Viên giáo, tuần thứ hai tư duy muốn thuyết Biệt giáo, tuần ba tư duy muốn thuyết Đại thừa Thông giáo, đều không có căn nào mà không đắc, cho nên ngưng Đại thừa thuyết Tam tạng Tam thừa, là phương tiện giáo hóa.

Quán tâm giải thích: ban đầu muốn quán Trung đạo, nhưng Trung đạo vi diệu khó quán cho nên không dùng được. Tiếp đến muốn quán Tứ giả, nhưng mà Tứ giả thì quán phân biệt trí khó sinh cho nên không dùng được. Sau quán Tứ không, nhưng Tứ không thì khéo độ, lại cũng không dùng được. Thì mới quán phương tiện, phân tích pháp tiểu quán...

2. Từ “Chúng sinh các căn độn” xuống ba hàng nêu chúng sinh không có căn cơ phù hợp. Văn lại chia làm ba phần:

a. Nửa hàng nêu chướng nặng.

b. Từ “Các hạng người như thế” nửa hàng, nêu không kham nghe.

c. Từ “Bấy giờ các Phạm vương” hai hàng, nêu các Phạm vương thỉnh thuyết Đại thừa Đức Phật biết chúng sinh không có căn cơ cho nên không thuyết,

3. Từ “Ta liền tự tư duy” xuống hai hàng, nêu nhớ nghĩ muốn

không giáo hóa. Văn lại chia làm hai phần: Một hàng rưỡi đầu, nêu người không căn cơ mà gượng thuyết, thì người nghe bị tổn hại. Nửa hàng sau, nêu không giáo hóa.

Phần kệ tụng thứ hai : Từ “Liên nhớ Phật quá khứ” xuống có mười một hàng, tụng bên trên nói “đối với nhất Phật thừa phương tiện thuyết tam”. Văn chia làm hai phần:

1. Mười hàng đầu, chính nêu hóa độ được.
2. Một hàng, giải thích nghi.
 - Mười hàng đầu lại chia làm bốn phần:
 1. Một hàng, nêu nghĩ rằng tam thừa thích nghi.
 2. Từ “Lúc ta nghĩ thế đó” xuống sáu hàng rưỡi, nêu có căn cơ.
 3. Từ “Tư duy việc đó rồi” một hàng rưỡi, nêu thiết lập giáo hóa.
 4. Từ “Đó gọi chuyển pháp luân” một hàng, nêu thọ hành.

“Liên nhớ Phật quá khứ” tức suy nghĩ chúng sinh kia tuy không có căn cơ Đại thừa nhưng không thể chấp nhận vĩnh viễn bỏ chúng, nên cần phải dùng phương tiện mà dẫn dụ cứu giúp. Chẳng phải Phật không biết khai tam, mà muốn dẫn đồng chư Phật, cho nên nói “tâm niệm (liên nhớ)”.

“Lúc ta nghĩ thế đó” sáu hàng rưỡi, nêu có căn cơ Tiểu thừa. Đây lại chia làm hai: Bốn hàng rưỡi đầu, nêu chư Phật tán thán. Hai hàng sau, nêu đức Thích-ca đáp thuận theo chư Phật. Trên muốn giáo hóa Đại thừa mà chúng sinh ấy không có căn cơ cho nên chư Phật không tán thán. Nay muốn thuyết Tiểu thừa hợp với căn duyên, thì từ đầu đến cuối đều được độ, do đó chư Phật tán thán.

Trong bốn hàng rưỡi “Chư Phật tán thán” chia làm năm:

1. Ba câu, đức Thích-ca tự trình bày chư Phật hiện. Phật hiện là do niệm Phật phương tiện lực, cho nên hiện. Hiện do thuận theo hai nghĩa: dự định pháp nói và hợp căn cơ cho nên Phật hiện.

2. Từ “Lành thay! Đức Thích-ca” xuống một hàng và một câu, nêu chính chư Phật tán thán đức Thích-ca năng ẩn Thật thiết lập Quyền, cho nên nói “Lành thay!”. Vì một mà thiết lập ba dẫn nhập Phật tuệ, tức là: “Bậc đạo sư đệ nhất”. “Đắc pháp vô thượng ấy” tức là đắc thật trí vi diệu đệ nhất. “Mà dùng sức phương tiện” là tùy theo tất cả Phật mà ẩn Thật dùng Quyền.

3. Từ “Chúng ta cũng đều được” xuống một hàng, nêu chư Phật cũng ẩn Thật dụng Quyền, như văn.

4. Từ “Trí kém ưa pháp nhỏ” xuống một hàng, song song giải thích hai nghĩa: vì chúng sinh trí kém không kham nghe Đại thừa cho

nên ẩn Thật, mà lại ưa pháp nhỏ cho nên thiết lập Quyền.

5. Từ “Tuy lại thuyết tam thừa” xuống nửa hàng, song kết hai nghĩa: tuy lại thuyết tam, cuối cùng là hiển Thật.

Từ “Xá-lợi-phất nên biết” xuống hai hàng, nêu đức Thích-ca đáp thuận theo, đã nghe chư Phật tán thán nên đáp lại nói ”Nam mô”. Nam mô, Trung hoa dịch ”Kính tụng” nghĩa là ”Xin tuân theo”. Lại chia làm hai:

1. Một hàng phát khởi lời đáp thuận theo.
2. Một hàng, nhớ nghĩ tùy thuận căn cơ chúng sinh.

Từ “Tư duy việc đó rồi” xuống một hàng rưỡi, chính nêu thi hành việc giáo hóa. “Các pháp tướng tịch diệt, không thể dùng lời bày” xuống, đây là tụng “lý trung đạo Phật chứng vô tánh” nói bên trên. Lý này chẳng tính số, cũng không thể nói, mà nay dùng phương tiện thuyết tam thừa. Lại, chẳng sinh chẳng diệt, mà dùng phương tiện thuyết sinh diệt. Lại, lý thiên chân cũng không thể chỉ bày thuyết, mà dùng phương tiện cho nên thuyết bốn môn. Ban đầu vì năm người mà thuyết Hữu môn vô thường.

Một hàng: từ “Đó gọi chuyển pháp luân” trở xuống, nêu thọ hành ngộ nhập. Chuyển pháp hóa tha trong tâm Phật, độ nhập vào tâm người khác, gọi là “chuyển pháp luân”. Kiều-trần-như ban đầu đắc Kiến đế, tức đoạn Kiến hoặc, phần chứng Diệt đế, cũng là phần đắc Hữu dư Niết-bàn. “Tiếng Niết-bàn” khởi tự nơi đây, do đó được thành Vô học, bèn có tên “La-hán”. Năng thuyết pháp tam thừa, gọi là Phật. Tam thừa được thuyết, tức là Pháp. Kiến đế La-hán..., gọi là Tăng. Tam bảo do đó xuất hiện ở thế gian.

Từ “Từ kiếp xa đến nay” trở xuống một hàng, giải thích nghi. Nghi thầy thì nói: Phật ban đầu chưa xem xét căn cơ liền nhớ chư Phật, mới biết căn tánh? Tức giải thích rằng: Chẳng phải ta không biết dùng phương tiện, đặt biệt muốn dẫn đồng chư Phật, cho nên “niệm (nhớ) chư Phật”, chẳng phải nhớ mới biết, mà “từ kiếp xa đến nay” ta đã thấu biết chúng “ưa chuộng pháp nhỏ”, và ta cũng vì chúng tán thán, chỉ bày khiến cho chúng hết các khổ, do đó nghe Tiểu thừa liền được giải thoát. Nghi đệ tử thì nói: Tại sao chúng sinh một đời vừa nghe liền chứng La-hán? Tức giải thích: “Từ kiếp xa đến nay” Phật đã vì chúng tán thán chỉ bày, nay xứng với huân tập xưa cho nên mau đắc đạo. Xưa nói, Kệ đây liên quan đến nghĩa thọ lượng. Nay nêu luận về ý bí mật, hoặc sẽ như đây nêu ý hiển lộ thọ lượng thì không đúng. Vì sao nhất định nêu thọ lượng? Đức Di-lặc còn tự không biết? Thế nào là huyền chỉ của một kệ

trong đây? Nay chỉ dùng giải thích nghi mà tiêu hóa được văn kinh.

Phần ba : Từ “Ta thấy các Phật tử” xuống sáu hàng, tụng hiển Thật bên trên. Văn có đủ Tứ nhất:

- “Ta thấy các Phật tử” trở xuống, hai hàng, tụng Nhân (người) nhất. Người tu hành tam thừa đều là Phật tử. Văn trên bao gồm các ý kia.

- “Ta liền nghĩ thế này” trở xuống, một hàng tụng Lý nhất. “Vì thuyết Phật tuệ”, tức là trên nói “nhất thiết chủng trí Phật tri kiến”.

- “Xá-lợi-phất nên biết” trở xuống, hai hàng, tụng Giáo nhất. “Chỉ nói đạo vô thượng” tức Giáo nhất.

- “Bồ-tát nghe pháp ấy” trở xuống, một hàng, tụng Hạnh nhất. “Cũng đều sẽ thành Phật” là Hạnh nhất.

Lại, sáu hàng tụng này chia làm bốn ý:

1. Hai hàng nêu rõ căn cơ Đại thừa phát sinh, cũng gọi là cầu quả.

2. Hai hàng và một câu nêu đức Phật hoan hỷ vì chúng sinh đắc đạo Đại thừa lợi ích.

3. Ba câu, chính nêu hiển Thật.

4. Một hàng thọ hành ngộ nhập.

Ý 1: Nói rõ do căn cơ phát sinh cho nên cầu quả, cầu quả do căn cơ sinh. Đây ứng với bốn câu:

1. Tự có chướng trừ, mà căn cơ chưa phát, như các La-hán ở trong thời Tam tạng, do ưa Tiểu (pháp nhỏ) cho nên trước chướng tuy trừ nhưng Đại căn còn ám độn, nên diệu cơ chưa phát.

2. Tự có Đại cơ phát, nhưng chướng chưa trừ, như các người phạm phu trong thời Pháp Hoa, tuy chưa đoạn kết nhưng do Đại căn lợi, cho nên căn cơ phát.

3. Tự có chướng liền trừ, cơ liền phát, như khi thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa, thì những người chứng quả nhị thừa ngồi tại pháp hội này, Đại cơ liền phát.

4. Tự có chướng chưa trừ, Đại cơ chưa phát, tức năm ngàn người bỏ đi.

“Chí quyết cầu Phật đạo”, tức là cầu Đại thừa chẳng cầu quả Tiểu thừa.

“Cầu” có ba ý:

1. Nghĩa Đại căn cơ, có cảm quả nên cầu. Đây là trong căn cơ luận nghĩa cầu.

2. Trong tâm bí mật cầu, là đắc hay là không đắc, tức ý đây.

3. Phát ngôn cầu, tức là ân cần ba phen thỉnh. Xưa trong giáo đã

có hai phen thỉnh cầu, nhưng chưa phát ngôn, đến ngày nay đầy đủ ba lần cầu xin.

Hỏi: Xưa nói ra khỏi nhà lửa cầu xin ba xe, là căn cơ, tâm tình cầu xin. Văn kinh nói: “Như lúc trước đã hứa cho”, đây mới cầu xin ba xe, đâu có liên quan đến cầu một?

Đáp: Ra ngoài nhà mà không thấy, ắt có cách khác, đem xưa hứa cho ba để cầu ý khác đó thôi! Cũng được là cầu một.

“Đều đem tâm cung kính, đồng đi đến chỗ Phật”, có ý kiến cho rằng: Hổ thẹn Tiểu, hâm mộ Đại thừa. Vì đại cơ cảm Phật, cho nên nói “đến chỗ Phật”. Nay nói rõ không phải chỉ có Đại cơ đến chỗ Phật, mà tất cả đều đến, như trong hội khi Phật sắp thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa thì bốn chúng vây quanh chấp tay cung kính muốn nghe đầy đủ đạo. “Từng đã theo chư Phật, nghe thuyết pháp phương tiện”, đây là hàng Trung căn mới bắt đầu nếm vị điều phục thọ hành Tam tạng, Lục độ, Thông, Biệt... tam giáo phương tiện, do đây điều hòa thuần thực khiến cho chướng trừ, căn cơ phát sinh mà cầu Đại thừa.

Ý 2: “Ta liền nghĩ thế này” xuống hai hàng một câu, là nêu chướng trừ Phật hoan hỷ. Phật vì Phật tuệ cho nên xuất hiện. Xưa chúng sinh chướng nặng không có căn cơ, nên không thuyết Phật tuệ được, thời gian giữa tuy chướng trừ cũng chưa thuyết được, nay căn cơ phát sinh, chính là lúc thuyết. Xưa chúng sinh “căn độn trí nhỏ”, sợ họ phỉ báng pháp rơi vào đường ác cho nên chưa phải thời thuyết. Nay căn lợi chí cầu Đại thừa, nghe ắt tin hiểu, cho nên Đức Phật hoan hỷ. “Vô úy”: là không sợ chấp Tiểu phỉ báng Đại, khởi tội đoạ đường ác, cho nên nói vô úy.

Ý 3: “Ở trong hàng Bồ-tát” xuống ba câu, chính hiển Thật. Ngũ thừa là cong mà chẳng thẳng. Thông Biệt thiên một bên mà chẳng chánh. Nay thiên lệch cong đó đều xả, chỉ thuyết một đường chánh trực.

Ý 4: “Bồ-tát nghe pháp ấy” xuống một hàng, nêu thọ hành ngộ nhập. Hai hạng Bồ-tát là Lục độ và Thông giáo, ban đầu nghe lược thuyết thì động cái chấp cũ vương cái nghi mới. Nay đều đã bỏ. Chẳng phải riêng Bồ-tát, mà hàng nhị thừa cũng như vậy. Nói “Thanh văn đều sẽ làm Phật”, giáo xưa không nói nhị thừa làm Phật, nay do tu hành mà được thọ ký. Thọ ký đâu phải riêng hàng nhị thừa, trừ nghi đâu riêng hàng Bồ-tát. Bảo tồn lẫn nhau thì cả hai đầy đủ.

Hỏi: Bồ-tát vì sao nghi?

Đáp: Tam tạng giáo nói: “trả ba A-tăng-kỳ chưa đoạn Hoặc, một

khi đoạn liền nhập chân”. Thông giáo nói: “Bồ-tát đoạn Chánh sử, còn Tập khí. Tập khí tận, thì thành Phật”.

Ban đầu nghe lược thuyết đều gọi là phương tiện. Cái Chân thật xưa, cái thành tựu xưa, trọn biết thì an lạc thay! Lại, tam thừa đồng học một đạo, do ý gì mà có sai biệt! Nay nghe Pháp Hoa quét sạch các sự nghi ngờ, không còn một chút nhỏ như hạt cải.

Từ “Như nghi thức nói pháp, của chư Phật ba đời” xuống năm hàng rưỡi tụng tán pháp hy hữu, không phải chính vì làm cơ sở cho thí dụ “nói không đối gạt” bên dưới. Đây chia làm hai phần:

1. Một hàng tụng phần “diệu pháp như thị” bên trên, diệu pháp là quyền thật. “Như ba đời” tức là dẫn đồng chư Phật dùng Quyền. Quyền là nghi thức dẫn chúng sinh. “Thuyết pháp không phân biệt” là dẫn đồng chư Phật hiển Thật. Đã là thật, thì ngôn ngữ đạo đoạn đâu còn nghi thức? Lại, quyền thật vốn không phân biệt, do vì hạng độn căn tiểu trí nên mới phân biệt quyền thật. Nay trở lại ngộ nhập, Nhất, Tam không hai, tức biết Phật thuyết ba, một mà không phân biệt. Chư Phật đều như vậy, há riêng ta ?

2. Từ “Các Đức Phật ra đời” xuống bốn hàng rưỡi, tụng “Đúng thời mới nói” bên trên, cũng nêu hoa Ưu-đàm như trên. Tụng lại nói hai câu: “Các đức Phật ra đời, lâu xa...” thời lâu xa mới có Phật xuất thế, đây là nêu người khó gặp. Hai câu: “Chánh sử hiện ra đời, Nói pháp này khó hơn”, đây là nêu pháp khó gặp. Như nay Đức Phật xuất hiện hơn bốn mươi năm mới hiển bày chân thật. Hai câu: “Vô lượng vô số kiếp, Nghe...”, đây là nêu nghe pháp khó. Như năm ngàn người chuyển động, phạm âm đầy tai bỏ pháp hội mà đi, nghe há không khó ư? Hai câu: “Hay nghe được pháp này, Người đó...” nêu người tin thọ khó. Khấp trong chúng chỉ có Thân-tử thông đạt trước, hàng trung hạ căn tuy nghe mà chưa hiểu. Nêu hoa Ưu-đàm để thí dụ bốn thứ khó nói trên. Chỉ hợp khai là khó, ngoài ra theo lệ có thể hiểu.

Phần năm : Từ “Các ông chớ có nghi” xuống hai hàng rưỡi, tụng “nói không hư vọng” bên trên, lại chia làm hai phần:

1. Một hàng rưỡi, chớ có nghi người đáng tin (Phật).

2. Từ “Xá-lợi-phất các ông” xuống một hàng, đừng nghi pháp đáng tin. “Pháp vương”: Phạm vua nhân gian thì nói đã không hai lời. Đức Phật là đấng pháp vương, thì đâu thể nói hư dối? Hễ là phương tiện, tức quyền giả lập; chân thật đâu thể là vọng? Nghe pháp vương thuyết pháp, chớ sinh nghi ngờ.

Xưa nói từ “Xá-lợi-phất các ông” xuống bảy hàng, không tụng

đôn đốc tin chỉ là trong chương Thích-ca, ý khuyến tin hoằng truyền kinh. Văn này lại chia hai phần:

1. Năm hàng rươi, khiến hoằng dương kinh khiến chúng sinh hành nhân.

2. Một hàng rươi lược vì thọ ký. Trong phần một: Một hàng đầu khiến chúng sinh hâm mộ quả hành nhân ắt phải hoằng kinh. Hơn bốn mươi năm ẩn chứa tâm Phật không ai biết được, gọi là “bí”, nhất thừa thẳng đường tổng thâm nhiếp vạn đường, cho nên nói “yếu”. “Bởi đời ác năm trước” xuống một hàng, giải thích pháp bí yếu, nói rằng người chướng nặng trọn không thể hiểu cho nên khiến Như Lai bí mật không vọng tuyên thuyết. Từ “Người ác ở đời sau” xuống hai hàng, nêu thể hoằng kinh, một hàng đầu nêu: người bất thiện thì chớ thuyết cho họ, một hàng sau nói: người thiện thì nên thuyết cho họ. Từ “Xá-lợi-phất nên biết” xuống một hàng rươi, song kết hai nghĩa: một hàng đầu tổng kết bí yếu nêu rõ pháp này như vậy, trước “dùng vạn ức phương tiện” rồi sau mới chỉ bày chân thật. Nửa hàng sau tổng kết thể hoằng kinh. “Chúng kia không học tập, nên không hiểu pháp này”, chính là tổng kết, người bất thiện thì chớ thuyết cho họ. Gồm “đối với người tập học thì có thể hiểu”, đây mới có thể vì họ thuyết. Từ “Các ông đã biết rõ” xuống một hàng rươi, lược vì thọ ký. Ba câu trên, luận người kia có hiểu biết. Một câu giữa, nêu người kia không mê-hoặc. Nửa bài kệ dưới, nêu người kia được thọ ký, đã có hiểu không mê hoặc, chính nên hoan hỷ làm Phật. Trong đây thọ ký mở ra, làm căn bản cho phần văn dưới: “Thân-tử v.v... đắc ký”. Trong đây hoằng dương kinh mở ra, làm căn bản cho văn dưới: “Phật bảo Xá-lợi-phất lưu thông”. Đây là giải thích theo xưa.

Nay nêu từ: “Bởi đời ác năm trước” xuống sáu hàng, là phần sáu: tụng “chọn lọc chúng đôn đốc tin” bên trên. Trên vui mừng có văn này, vậy cần dùng sao không tụng? Lại chia làm hai phần:

1. Ba hàng tụng chọn chúng.

2. Ba hàng tụng đôn đốc tin.

Phần một: một hàng đầu, tụng trên “chọn lọc chẳng phải đệ tử Phật” bên trên. Vì sao? Vì “ưa các dục” là hành ma nghiệp, cần loại ra. Văn trên nói: “đấm cháp Niết-bàn mà còn chẳng phải đệ tử Phật”, huống gì văn đây nói “đấm cháp sinh tử” thì sao có thể là đệ tử Phật? Lần lượt lựa chọn những người chẳng phải đó thôi! “Trọn không cầu Phật đạo” là tụng “chọn lọc tăng thượng mạn” bên trên. “Thượng mạn” là chưa đắc thượng pháp mà cho là đắc thượng pháp, vì vậy cho nên

người đó không cầu Phật đạo. Từ “Người ác ở đời sau” một hàng, tụng bên trên nói “sau khi Phật diệt độ, người hiểu nghĩa này là rất khó gặp”. Từ “Người tà quý trong sạch” một hàng, tụng bên trên nói: “nếu gặp Đức Phật khác, thì được quyết liễu”. Ba hàng sau, tụng trên đôn đốc tin. Nếu không tin pháp này, thì không có việc đó. Một hàng rưỡi đầu, đôn đốc tin pháp Quyền. Một hàng rưỡi sau, đôn đốc tin pháp Thật. Thật, Quyền đều không nghi, thì “Tự biết sẽ làm Phật”...

Phẩm Thứ 3: PHẨM THÍ DỤ

Giải thích tổng quát: “Thí” là so sánh. “Dụ” là dạy bảo cho biết. Nhờ đây so sánh kia, nhờ chỗ nông cạn, bảo cho biết chỗ sâu xa. Văn trường hàng và kệ tụng bên trên rộng nêu năm Đức Phật, hàng thượng căn lợi trí trọn nghe thấu hoạch ngộ, hàng trung căn hạ căn mê chấp giữ chặt chưa thông đạt, đại bi không ngừng, xảo trí vô biên. Lại, như cây rung thì bảo cho biết là gió, đưa cái quạt lên để chỉ trăng, khiến cho chúng sinh hiểu ngộ cho nên nói “Thí dụ”.

Giải thích nghĩa riêng: Dùng pháp thế gian so sánh với pháp xuất thế gian, nhân cái đã từng có mà nghe cái chưa từng có, vô cùng hoan hỷ. Như Kinh nói “cha con thế gian” dụ cho thầy trò xuất thế. Lại dùng sinh pháp của thế gian so với sinh pháp xuất thế gian, khiến được âm giáo của Phật, không lầm mất Đại thừa, Như kinh nói: Cha biết tâm trước của các con mỗi người đều ưa thích đồ chơi trần bảo. Lại, dùng pháp diệt của thế gian so sánh với pháp diệt xuất thế. Chỉ đắc vô lậu thì nghe cũng trừ ưu não. Như kinh nói: “Ta là cha của chúng, nên phải cứu chúng hết khổ nạn, khiến tránh khỏi lửa đốt”. Lại, dùng pháp bất sinh bất diệt của thế gian so với pháp bất sinh bất diệt xuất thế, khiến an trụ trong thật trí và ta định rõ các ông sẽ làm Phật, như kinh nói “Cưỡi xe báu ấy thẳng đến đạo tràng”. Nên biết Đức Phật dùng một âm thuyết Thí dụ, khéo khiến hàng trung hạ căn đắc lợi ích nhờ tứ Tất-đàn, cho nên nói phẩm Thí Dụ.

Căn cứ vào giáo giải thích: Ý Phật vốn tán thán Phật thừa, nhưng chúng sinh không kham nổi liền nhớ các Phật trước vì đại bi dùng phương tiện, nên đến vườn Lộc uyển khen ngợi ba xe (nói pháp ba thừa). Hàng nhị thừa do trung hạ căn tự cứu giúp, ân không sánh kịp với người. Bồ-tát dùng xe trâu đưa người khác ra khỏi lửa, cho nên gọi là Ma-ha-tát. Đây là Thí dụ trong Tam tạng giáo. Lại ba hạng người đồng sợ lửa đốt: Thanh văn như dê bỏ chạy thẳng không ngoảnh lại, Duyên giác như nai mẹ vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn. Bồ-tát như voi lớn tự mình chống cự đao tên, đưa số đông chúng sinh ra khỏi lửa, an toàn. Kinh Niết-bàn nói: “Thỏ, ngựa”. Đây là Thí dụ trong Thông giáo. Lại, hàng tam thừa phát tâm gần, duyên lý nông cạn, trí tuệ yếu kém, đoạn Thông hoặc, chưa đến chỗ tốt cùng, không phải Ba-la-mật. Bồ-tát phát tâm lâu xa, lý sâu trí mạnh, đoạn Biệt hoặc, cùng tốt nguồn tận tánh. Đại Phẩm nói: “Hàng nhị thừa như lửa đom đom, Bồ-tát như ánh sáng mặt trời”. Đây là Thí dụ trong Biệt giáo. Lại nữa, “xưa thấy thân ta nghe pháp

ta thuyết, thì đều tin thọ nhập Như Lai tuệ”, hạng người đó dễ hóa độ, không khiến cho Như Lai phải nhọc sức. Như trong Hoa Nghiêm, tức sự là chân, không cần thí dụ. Vì những người chưa chứng nhập, nên hơn bốn mươi năm Phật dùng phương tiện khác trợ giúp để hiển bày đệ nhất nghĩa, nay tại thành Vương Xá quyết định thuyết Đại thừa, khiến cho tất cả đều khai thị ngộ nhập Phật trí tuệ, không khiến một hạng người riêng được diệt độ. Như nay như xưa, như xưa như nay, không hai không khác. Hàng thượng căn lợi trí, nghe liền hiểu được, không khiến cho Như Lai khổ nhọc cũng không cần thí dụ. Chỉ vì hàng trung căn hạ căn động chấp sinh nghi, chần chừ đi vào đường rẽ, nên nay dùng thí dụ xe lớn khiến họ được lợi ích. Đó là Thí dụ trong Viên giáo.

Căn cứ vào Bản tích và Quán tâm để giải thích, thì theo lệ thường có thể hiểu, không cần ghi chép...

Pháp thuyết có năm đoạn kinh văn: Đoạn một mới vừa xong, bốn đoạn còn lại vẫn chưa rõ. Phẩm này đáng lẽ ở sau phần chư thiên thuyết kệ và trước thí dụ nhà lửa. Người soạn kinh phân quyển để đầu phần lãnh giải. Lại có người nói: vì phát khởi trung căn nên để đầu quyển thứ hai. Như sáu điểm lãnh vấn đáp là Pháp thuyết, làm tựa. Lãnh giải được thọ ký là Thí thuyết, làm tựa. Đây là thuận theo nhân tình đó thôi. Vì đặt phẩm này sau phần Pháp thuyết, hàng trung căn có thể không ngộ ư? Đây là đoạn Lãnh giải, thọ lãnh những điều đã nghe, thuật lại điều đã hiểu. Văn trường hàng thì lãnh cùng giải hợp thuyết, trong kệ thì lãnh và giải đều trình bày, cho nên nói đoạn lãnh giải.

Văn có hai phần: 1. Kinh gia trình bày. 2. Thân-tử tự trình bày. Phần Kinh gia trình bày lại có hai phần là trong hiểu, ngoài hiện uy nghi. Trong tâm hiểu gọi là “hỷ”. Hỷ cho nên động nơi hình thể, gọi là “hớn hở”. Từ diệu nhân mà nghe diệu pháp rồi đắc diệu giải. Nếu gặp một điều may mắn mà còn hoan hỷ, huống chi ba điều hoan hỷ đầy đủ, thì sao không hớn hở? Văn nói: “Nay theo đức Thế Tôn, nghe được pháp âm này trong lòng hớn hở”. Trong ngoài hòa hợp cho nên được cái hoan hỷ này, tức là giải thích theo Thế giới Tất-đàn. Lại, thay đổi Tiểu học theo Đại, bỏ thảo am bản sự, thọ nhận gia nghiệp giàu sang. Văn nói “ngày nay mới biết thật là Phật tử”, vì vậy cho nên hoan hỷ. Đây là giải thích theo Vị nhân Tất-đàn. Lại lo lắng hối hận cả hai nghi nạn đều trừ, chướng ngại trong ngoài đều dứt, rộng thênh trong sáng bao la. Văn nói: “Con đã đắc lậu tận, nghe cũng trừ lo khổ” vì vậy cho nên hoan hỷ. Đây là giải thích theo Đối trị Tất-đàn. Lại nói Phật tử đối với cái phải đắc thì đều đã đắc. Văn nói “An trú trong thật trí, con quyết sẽ

làm Phật”, đây là giải thích theo Đệ Nhất nghĩa Tất-đàn.

Căn cứ vào giáo: xét rằng hoan hỷ là vui mừng vì đã nhập vị. A-la-hán đã vượt sự trói buộc của ba cõi, phá quả nhỏ tứ trụ, đối hại không lo, gặp lợi không vui. Nay nói hoan hỷ thì quyết chẳng phải là hỷ của thế gian. Như Khổ nhãn đã phát, hoặc là rốt ráo vô học trước đã chứng đắc, nay không nên lập lại cái vui đó. Như ba người đồng tu đạo vô ngôn thuyết, dù Thế pháp, Tích pháp khác nhau mà đồng chứng Nhất trí Tánh Không. Niềm vui Nhất trí ấy chứng đắc đã lâu cũng không vui lập lại. Nếu nhị Không quán làm phương tiện đạo, thì Giả quán đẹp sạch thiển cận của Nhị thừa. Không quán đẹp sạch huyền ảo chậthệp của phàm phu. Vượt qua cái lỗi Nhị biên, được đại hoan hỷ. Căn cứ theo Viên giáo về Ngộ, thì Sơ phát tâm trụ gọi là Hoan hỷ trụ, Sơ hạnh cũng gọi là Hoan hỷ hạnh. Sơ địa cũng gọi là Hoan hỷ địa. Thân-tử đã là bậc thượng căn lợi trí, ắt phải hoan hỷ vì siêu nhập. Nếu không siêu nhập, thì cũng gọi là hoan hỷ. Đây đều căn cứ giáo mà giải thích.

Căn cứ Bản tích mà giải thích: Thân-tử từ lâu xa đã thành Phật hiệu là Kim Long Đà, nay thù tích thị hiện trợ giúp, đứng bên tay phải của Đức Phật Thích-ca, là đệ tử có trí tuệ đệ nhất. Ban đầu theo ngoại đạo, sau bỏ tà qui chánh. Chỉ bày Nhũ vị, hoan hỷ lợi ích phàm phu. Tiếp, chỉ bày Lạc vị, hoan hỷ lợi ích hiền thánh. Tiếp sau chỉ bày Sinh tô Thực tô, hoan hỷ lợi ích Bồ-tát. Nay làm ĐỀ-hồ nhập tri kiến Phật, hoan hỷ lợi ích cho người học Phật đạo. Các sự hoan hỷ như vậy đều là thù tích sở vi. Quán tâm giải thích, thì không nêu ra đây.

Trình bày uy nghi bên ngoài: “liền đứng dậy chấp tay” gọi là thân lãnh giải. Xưa thì Quyền Thật là hai, như hai tay không chấp lại. Nay giải Quyền tức Thật, như hai tay chấp lại. “Hương Phật”: Xưa thì Quyền không phải nhân thành Phật, Thật không phải là quả Phật. Nay giải Quyền tức Thật, thành nhân Đại viên mãn, nhân ắt hương đến quả, cho nên nói “chấp tay hương Phật”. “Chiêm ngưỡng tôn nhan”: là tiêu biểu người giải (hiểu) Thật. Thật tức cảnh giới Phật, không phải pháp phương tiện. “Chiêm ngưỡng tôn nhan” thì không có nhớ nghĩ gì khác, là biểu thị “Khai Phật tri kiến”. Ý giải Thật, cũng tức là giải Quyền. Thân lãnh Quyền, cũng giải Thật. Nêu Nhất biên xen kẻ nhau.

Từ “Bạch Phật” trở xuống, là miệng lãnh giải, tức Thân-tử tự trình bày. Văn chia làm hai phần:

1. Trường hàng.
2. Kệ tụng.

Văn trường hàng chia làm ba phần:

- a. Nêu chương tam hỷ.
- b. Giải thích.
- c. Kết thành.

- Phần một: Tam hỷ. “Nay con theo Đức Thế Tôn” là nêu thân con thấy thân Phật, cho nên gọi là “thân hỷ”. “Nghe pháp âm này” là nghe từ kim khẩu của Phật mà hoan hỷ, cho nên nói “khẩu hỷ”. “Được điều chưa từng có” là ý con hiểu ý Phật, cho nên gọi “ý hỷ”. Đó là nêu chương tam hỷ.

- Phần hai: Giải thích. Từ “Vì sao” trở xuống, nêu xưa mất, hiển nay được. Từ “Vì sao” cho đến “vô lượng tri kiến”: Nêu xưa không thấy Phật, là “mất”. Xưa Phật thọ ký cho hàng Bồ-tát, mà chúng con không được dự việc đó, thấy Phật nghĩa là lâu xa đã không thấy Phật, cho nên không gọi là thân hỷ. “Nghe pháp như vậy”, như khi mặt trời chiếu núi cao, là mặt thì có nghĩa nghe mà hiển thì như điếc như câm, nghe pháp ấy không đắc đạo. Chỉ là trong giáo Phương Đẳng nghe Đại thừa thật tuệ, cùng với nay không khác cho nên nói “nghe pháp như vậy”. “Thọ ký”: Cũng là trong Phương Đẳng thọ ký cho Bồ-tát, hàng nhị thừa không được dự việc đó, nên “tự rất cảm thương”. Các kinh Tịnh Danh và Tứ Ích nói: “Nghe tán dương Đại phẩm Bồ-tiểu, thì trong nghi mà ngoài khinh, gọi là cảm thương”. “Mất vô lượng tri kiến Như Lai”, là mất cái thấy (kiến) của Phật nhãn, mất cái biết (tri) của Phật trí. Từ “Thế Tôn” đến “chẳng phải Thế Tôn vậy” là nêu lỗi xưa không nghe pháp, bởi do thân thì ở chốn núi rừng, tâm thì chấp đạo Tiểu thừa, không nghe pháp, cho nên không có khẩu hỷ. “Con thường ở một mình” là chỗ tư duy lỗi, “đồng nhập pháp tánh” là chính nêu lỗi kia, chấp Nhất lý sở nhập, nghi năng môn của tam giáo. Nhất lý đã đồng, mà ta mất tri kiến. Tam giáo đã khác, mà Bồ-tát được biệt ký. Biệt ký thì Như Lai có thiên vị, do đó thành lỗi. Nay thuật lại lỗi lầm này, nên nói “hối lỗi”. “Đó là lỗi của chúng con”, do con mê Quyền đâu có liên quan gì đến lý giáo, do con mê Thực chẳng liên quan gì đến Phật thiên vị. Truy tìm thuật lại việc sai trái lúc xưa, kính mong Như Lai tha lỗi, đó gọi là dẫn lỗi về mình. Từ “Vì sao vậy”? cho đến “hằng tự trách mình” là nêu lỗi không hiểu ý, chính vì không đợi Phật thuyết pháp sở nhân, tức không hiểu Thật, lại không biết phương tiện cho nên cũng không hiểu Quyền. Không hiểu cho nên không có ý hỷ. Lỗi lầm xưa đã rõ ràng, nay được tự hiển bày. “Không đợi thuyết sở nhân”, tự trách mình không hiểu Thật, “không hiểu phương tiện” là tự trách mình không hiểu Quyền. “Sở nhân” có hai nghĩa:

1. Trước đây không chịu đợi Phật nói pháp.
2. Không dừng lại, đợi về sau để nhận.

“Ban đầu chiếu cao sơn (núi cao)” là nêu trí tuệ tam đế là cái nhân được thành Phật, vì cái nhân này chờ đợi nhắm vào ta, mà ta không chịu thọ nhận, làm mất trước đó. Pháp của chư Phật về lâu sau cần phải thuyết chân thật, ta không dừng lại đợi giữa hai điều này, bỗng nhiên chấp Tiểu thừa không hiểu Quyền Thật, như vậy.

“Mà nay theo Phật”... là kết thành tam hỷ, trước kết sau thành. “Theo Phật” là kết thân hỷ, “nghe pháp” là kết khẩu hỷ. “Dứt các nghi hối”, là kết ý hỷ. “Mới biết thật là Phật tử”, nghĩa thân cận Phật thành. “Từ miệng Phật sinh” là kết khẩu thành. “Từ pháp hóa sinh” là kết ý thành. Như đây là tiêu hóa hết vấn, giải thích lý rõ ràng.

Lại dùng tứ Tất-đàn để hiểu văn “Nay con theo Đức Thế Tôn” là Thế giới Tất-đàn hoan hỷ. Từ “Vì sao vậy ?” là nêu xưa mất, hiển nay được, là Vị nhân hỷ. Từ “Thế Tôn! Con từ xưa đến nay” là Đối trị hỷ. Từ “Ngày nay mới biết”... là Đệ nhất nghĩa hỷ. Lại, căn cứ tâm hoan hỷ nêu rõ tứ Tất-đàn, Tâm hỷ động hơn hỷ thường chưa từng có, hỷ động giác quán và lại động nơi hình...

Kệ có hai mươi lăm hàng rưỡi chia làm ba phần:

1. Một hàng đầu, nêu ba điều mừng. Nêu “con nghe pháp này được nhân làm Phật”.

2. Hai mươi hai hàng tiếp giải thích ba điều mừng.

3. Hai hàng rưỡi, tụng phần “kết thành” bên trên.

- Phần hai : hai mươi hai hàng, lại chia làm ba phần nhỏ:

1. Từ “Xưa nay nhờ Phật dạy” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng thấy Phật hoan hỷ, văn trường hàng nêu mất tri kiến, trong tụng nêu “không mất Đại thừa”. Trên nói “mất”, đó là luận xa, tụng nói “được”, đó là luận gần. Xen nhau hiện.

2. Từ “Con ở nơi hang núi “trở xuống mười một hàng, tụng trên nói “không nghe pháp”, lại chia làm hai phần:

a. Chín hàng, tụng “thân viễn (xa) cho nên không nghe”.

b. Từ “Con xưa chấp tà kiến”... xuống hai hàng tụng phần: “nhập pháp tánh” bên trên, cho nên không nghe. “Tà kiến” là chấp đắm của phàm phu, “nhập pháp tánh” là chấp đắm của nhị thừa, đều không nghe pháp.

“Con thường trong ngày đêm”, sinh tử là đêm, Niết-bàn là ngày, là trong sinh tử có Niết-bàn, hay là ngoài sinh tử có? Nếu đắc ngộ, thì hai nghi vấn ấy được trừ bỏ. Lại, sinh tử Niết-bàn đều là đêm, nghi

này được trừ thì gọi là ngày, Khi mặt trời hiện thì hai nghi đều trừ. Lại người đời có hai hạng: 1. Mới bắt đầu học, thì học Đại thừa. 2. Tập Tiểu thừa trước rồi mới nhập Đại thừa. Nương sự tướng kia thắng nhập, là người yếu kém. Theo như trong luận A-tỳ-đàm nhập, là người mạnh hơn. Hàng Bồ-tát cũng như vậy, ở trong Hoa Nghiêm nhập mà hóa đạo có thể yếu kém, từ Ngũ vị chọn lọc mà vào là mạnh hơn.

3. Từ “Mà nay mới tự biết” xuống chín hàng rưỡi, tụng trên nói “tâm đặc diệu giác hỷ”. Trên nêu : “không đợi sở nhân, không hiểu phương tiện”, trong tụng nêu : “đợi sở nhân và hiểu phương tiện”. Nghe sẽ làm Phật, là “sở nhân”. Nghe năm Đức Phật đồng đạo, hiểu ma chẳng phải ma, là hiểu phương tiện. Xen nhau hiển Nhất biên, chương năm Đức Phật, tức là hiểu văn.

Phần ba: từ “Nghe tiếng Phật âm diệu” trở xuống hai hàng rưỡi, tụng trên kết thành như văn.

Từ “Lúc bấy giờ Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Ta nay” trở xuống, là đoạn thứ ba : Thuật thành. Bên trên thì Thân-tử trình bày đặc ngộ, ở đây thì Như Lai thuật giải chẳng hư dối. Văn chia làm ba:

1. Xưa đã từng giáo đại.
2. Trung gian vọng chấp tiểu.
3. Trở lại vì chúng sinh thuyết Đại thừa.

Sở dĩ dẫn xưa đã từng giáo hóa, thuật lại duyên kia thấy Phật, là vì có thời gian giữa vọng chấp Tiểu thừa, thuật lại duyên lo lắng hối hận nghe pháp kia, nay trở lại vì người mà thuyết Đại, thuật duyên kia ngộ giải không hư dối. Thuật thành ba ý trên. Luận Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa nói: Thân vô thượng nghĩa là tướng hảo, Thọ trì vô thượng nghĩa là tự lợi lợi tha, Cụ túc (đầy đủ) vô thượng nghĩa là mạng kiến giới, Trí tuệ vô thượng nghĩa là tứ vô ngại, Bất tư nghì vô thượng nghĩa là lục Ba-la-mật, Giải thoát vô thượng là năng hoại hai chướng, Hạnh vô thượng nghĩa là thánh hạnh phạm hạnh. Lại, Thân vô thượng gọi là đại trượng phu, Thọ trì vô thượng gọi là đại từ bi, Cụ túc vô thượng gọi là đáo bỉ ngạn, Trí vô thượng gọi là nhất thiết trí, Bất tư nghì vô thượng gọi là A-la-ha, Giải thoát vô thượng gọi là đại Niết-bàn, Hạnh vô thượng gọi là Tam-miệu-tam Phật-đà.

Kinh Bồ-tát Anh Lạc quyển mười ba nói: Đạo nên thanh tịnh, uế trước chẳng phải đạo. Đạo phải nhất tâm, nhiều tướng chẳng phải đạo. Đạo phải tri túc, nhiều ham muốn chẳng phải đạo. Đạo phải cung kính, kiêu mạn chẳng phải đạo. Đạo phải kiềm chế ý, buông thả chẳng phải đạo. Đạo phải hiển bày chiếu sáng, tự ẩn giấu chẳng phải đạo. Đạo

phải chuyên chú suốt, không hành chẳng phải đạo. Đạo phải giác ngộ, mê hoặc ngu si chẳng phải đạo. Đạo phải giáo hóa, kiêu căng ích kỷ chẳng phải đạo. Đạo nên thân gần bạn lành, huân tập theo ác chẳng phải đạo. Các thứ như vậy nêu “Đạo vô thượng”. Kinh này lấy viên thông làm “Đạo vô thượng”. Nếu thiên chấp hoặc thứ bậc, thì đều do các kinh khác luận bàn.

“Đêm dài theo ta thọ học”: Xưa tuy được giáo hóa đại thừa mà chưa phá được vô minh, trong tâm tối tăm mê-hoặc theo Phật thọ học, liễu nhân tuy xa mà vẫn còn không mất, hướng chỉ nay thật ngộ, đâu có hư dối, cho nên nói: “từng giáo hóa”. Thuật sự thấy Phật không sai. “Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sinh vào trong pháp ta” đây có hai ý: Nếu xưa dùng Đại thừa hóa độ thì nay sinh sự hiểu biết về Đại thừa, đây thuộc ý đầu. Nếu khiến tránh thoát đường ác, thì quyền dùng Tiểu thừa dẫn dắt, đây là ý thứ hai. “Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, ông nay đều quên”, tự mình giữa đường phứt bỏ Đại thừa huân tập theo Tiểu thừa, gọi là giữa đường đều quên”, “mà nay bèn tự nói đã được diệt độ” tức là “nay đều quên”. Do ông quên Đại mà huân tập theo Tiểu thừa, cho nên có sự lo lắng hối hận và được nghe pháp không hư dối. “Ta nay lại muốn khiến ông nhớ nghĩ bản nguyện” tức là thuật kia được hiểu không hư dối. Trước thiết lập Quyền giáo, trở thành thiện nhỏ giữa đường, sau hiển chân thật, thỏa mãn tâm Đại thừa bản nguyện kia. Từ “Ông đến đời vị lai” trở xuống, là đoạn lớn thứ tư: Thọ ký. Trước tự trình bày Phật ấn chứng xong cho nên nói thọ ký. Nếu hiểu được Đại thì tự biết đắc thành Phật, đâu cần phải thọ ký? Thọ ký có bốn ý:

1. Xưa chưa từng thọ ký nhị thừa mà nay phải thọ ký.
2. Hàng trung hạ căn chưa ngộ nên dùng thọ ký để khuyến khích.
3. Khiến cho người nghe kết duyên.
4. Mãn bản nguyện kia, vì vậy cho nên thọ ký.

Có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng chia làm mười ý:

1. Thời tiết.
2. Hành nhân.

3. Đắc quả. Có rất nhiều cách giải thích mười hiệu. Đây ghi lại một cách. Không hư dối, gọi là “Như Lai”. Phước điền tốt, gọi là Ứng cúng. Biết pháp giới, gọi là Chánh biến tri. Đầy đủ Tam minh, gọi là Minh hạnh túc. Không còn trở lại đời sau, gọi là Thiện thế. Biết quốc độ chúng sinh, gọi là Thế gian giải. Không ai bằng, gọi là Vô thượng sĩ. Điều tâm người khác, gọi là Trượng phu. Là mắt của chúng sinh, gọi là Thiên Nhân sư. Biết tam tụ gọi là Phật. Hoại diệt Ma Ba-tuần gọi là

Bà-già-bà (Thế Tôn).

4. Quốc độ.
5. Thuyết pháp.
6. Kiếp danh.
7. Chúng số.
8. Thọ lượng.
9. Bồ xứ.
10. Pháp trụ lâu mau. Đều như văn.

Đại luận quyển bốn mươi tám nói: Ngài Xá-lợi-phất chánh pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp. Tam tai, tức là đói khát bệnh tật, đao binh, khiến cho chúng sinh diệt, gọi là tiểu kiếp. Lại, chính ngay thời tiết ấy gọi là tiểu kiếp. Như thuyết kinh Pháp Hoa trải qua sáu mươi tiểu kiếp, cũng là thời tiết số, chẳng phải tam tai diệt vạn vật bên ngoài mới là tiểu kiếp. Kệ có mười một hàng rưỡi chia làm hai phần:

1. Mười hàng đầu tụng chín ý trên, lược không tụng Bồ xứ, có thêm: cúng dường xá-lợi.

2. Một hàng rưỡi là kết tán.

- Phần một: gồm mười hàng. Giải thích chi tiết: Một hàng đầu, siêu tụng đặc quả. Từ “Cúng dường” xuống một hàng, truy tụng hành nhân. Từ “Quá vô lượng” xuống nửa hàng, siêu tụng kiếp danh. Từ “Cõi nước tên” xuống một hàng rưỡi, tụng cõi nước thanh tịnh. Từ “Bồ-tát trong cõi đó” xuống một hàng rưỡi, tụng số chúng Bồ-tát. Từ “Những đại sĩ như thế” xuống nửa hàng, tụng thuyết pháp. Từ “Lúc Phật làm vương tử” xuống hai hàng, tụng thọ lượng. Từ “Sau khi Phật diệt độ” xuống một hàng rưỡi, tụng pháp trụ lâu mau. Từ “Xá-lợi rộng truyền khắp” xuống nửa hàng, cúng dường Xá-lợi. Giải thích xong mười hàng tụng đầu.

- Phần hai: từ “Phật Hoa Quang” xuống một hàng rưỡi, kết tán. “Nên phải tự vui mừng” là thành sơ nhập Hoan hỷ vị. Sơ trụ có thể ở trong thế giới trăm vị Phật, mới làm Phật. Hạnh, Địa thì gấp bội.

Phần thứ năm: Bốn chúng lãnh giải có trường hàng và kệ tụng. Ban đầu kinh gia trình bày chúng hoan hỷ, tiếp đến trình bày cúng dường. Từ “Mà nói rằng” trở xuống, chính lãnh giải, ban đầu lãnh khai Quyền.

Từ “Nay mới lại chuyển pháp luân” trở xuống là lãnh hiển Thật. Kệ có sáu hàng rưỡi, chia làm hai phần:

1. Hai hàng, tụng trên khai quyền hiển thật.

2. Bốn hàng rưỡi, tự thuật được hiểu tùy hỷ hồi hương. “Chúng ta cũng như vậy” là như Thân-tử lãnh giải, như Thân-tử được thành tựu

thuật, như Thân-tử được thọ ký.

Hỏi: Các đại Thanh văn như Ca-diếp, Thiện Cát (Tu-bồ-đề) mà còn chưa hiểu nổi, thì tứ chúng người nào ngộ trước được?

Đáp: Tứ chúng thiên nhân cũng đầy đủ ba phẩm, thượng căn đồng với Thân-tử, trung căn hạ căn có thể biết. Lại biết rằng Thân-tử, Ca-diếp đều là Quyền hạnh, vì hàng trung hạ căn chưa khai mở, Ca-diếp mãi nguyện thị hiện đồng như không hiểu. Kinh Tịnh Danh nói: “Chúng sinh chưa khỏi bệnh thì Bồ-tát cũng chưa khỏi bệnh”.

Từ “Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng” trở xuống là đoạn lớn thứ hai: vì trung căn nói thí dụ. Văn có bốn phẩm: Một phẩm này chánh là Thí Dụ, khai tam hiển nhất, phẩm Tín Giải nêu hàng trung căn được hiểu, phẩm Dược Thảo là Như Lai thuật thành, phẩm Thọ Ký cùng quyết định. Bốn phẩm này đều thuộc phần Thí thuyết. Dưới bốn đoạn đều căn cứ nhân duyên, trình bày nêu rõ duyên buộc châu vào chéo áo mà lãnh ngộ, A-nan dẫn duyên Không Vương Phật mà được thọ ký... Lại, theo lệ thường thì pháp thuyết nên có hạng trung căn tứ chúng hoan hỷ, mà nay không có, thì thứ nhất là do kinh gia, có mà lược bớt, thứ hai là theo lệ, trước sau có thể biết tại văn sau trong phẩm Pháp Sư.

Văn Thí thuyết chia làm hai:

1. Thỉnh.

2. Đáp.

Phần Thỉnh lại có ba:

a. Tự thuật không nghi.

b. Thuật đồng hạng có hoặc.

c. Đồng vì bốn chúng, tự thuật như văn.

Đồng hạng tức là đồng hành, nhờ việc xưa cho nên cần phải thỉnh. Tứ chúng là cảnh giáo hóa, nay mới vận tâm đại bi thì đều vì chúng mà thỉnh. Từ “Phật thường dạy rằng” trở xuống, là chấp tam giáo xưa. Từ “Mà nay ở trước đức Thế Tôn” trở xuống là chấp lý Nhất xưa. Xưa thuyết ba là cứu cánh, nay lại thuyết một là chân thật, mâu thuẫn dẫn đến mê muội, cho nên nói “đều rơi vào nghi lầm”. Có người nói: “Thân-tử nghi cả hai mới và cũ, ngàn hai trăm người chỉ có nghi mới”. Nay cho rằng hàng thượng căn nghi ít, trung căn hạ căn nghi nhiều, vì sao lại hiểu trái ngược? Từ “Lành thay Thế Tôn!” trở xuống, là vì bốn chúng mà thỉnh. “Nhân duyên” là nhân duyên trước ba sau một.

Từ “Khi ấy Phật bảo ngài Xá-lợi-phất” trở xuống, là phần hai: Phật đáp. Văn chia làm ba phần: Phát khởi, Thí dụ, Khuyên tin.

Phần một: Phát khởi lại có hai:

1. Ưc.

2. Dẫn.

Ưc chế khiến cho chúng uất ức, dững cảm, dẫn khiến cho mau tiến. Từ “Ta trước há không nói rằng” xuống chỉ trên nêu Quyền, “đều là đạo Bồ-đề” chỉ trên hiển Thật, “đều vì dạy Bồ-tát” là hoặc Quyền hoặc Thật, đều nhập Phật đạo Niết-bàn Vô trụ. Trên đã nói rõ, tại sao còn chấp giáo mê muội tối tăm không hiểu? Trách như thế, chính là vẫn ức chế. Từ “Nhưng Xá Lối Phát! Nay ta sẽ dùng một thí dụ” trở xuống, là dẫn dắt an ủi. Trước đã chê bai nghiêm khắc e rằng họ chìm đắm trong oán hận tự khinh mình, cho nên nay sẽ dùng thí dụ để nêu rõ lại nghĩa đó. Nếu người nào có thể hiểu, thì gọi là trí. Phần hai: Thí dụ, thuyết trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có Khai thí và Hợp thí. Phần Khai thí không đồng, như trên đã nói, nay chia làm hai: Tổng và Biệt. Tổng thí, ví như chương Thích-ca “nay ta cũng như vậy”, hai hàng kệ lược tụng khai quyền hiển thật. Biệt thí, ví như trong chương Thích-ca, “ta dùng Phật nhãn xem thấy”. Kệ tụng gồm bốn mươi một hàng rưỡi kệ, rộng tụng khai Quyền hiển Thật, có sáu ý.

Tổng thí có sáu phần:

1. Trưởng giả.

2. Nhà ở.

3. Một cửa.

4. Năm trăm người.

5. Lửa cháy lên.

6. Ba mươi người con.

1. “*Trưởng giả*” là thí dụ cho ta, ta tức Phật Thích-ca chủ Nhất hóa. “Nhà lửa” là thí dụ tam giới không an ổn đối lại nơi an ổn trên. “Một cửa” là thí dụ trên chỉ bày cửa Phật đạo. “Năm trăm người” là thí dụ chúng sinh trên. “Lửa cháy lên” là thí dụ đối với pháp ngũ trước bát khổ không an ổn trên. “Ba mươi người con” là thí dụ trên nói biết chúng sinh tánh dục người hành tam thừa.

Thí dụ Trưởng giả có ba: a. Danh, hạnh. b. Vị hiệu. c. Đức nghiệp.

a. *Danh* (tên gọi) như khách, hạnh như chủ. Hạnh có thân sơ, danh có gần xa, cho nên nêu xứ sở để hiển danh hạnh. Biên giới là nước rất xa, tế trị là ấp ở giữa, tụ lạc là làng xóm rất gần, danh hạnh của trưởng giả vang khắp ba nơi này. Gần thì không thấy sự thấp hèn nhỏ nhen kia, xa thì chỉ rút lui sự cao thượng kia. Miệng không phân biệt lời, thân không phân biệt hạnh, ý không phân biệt pháp. Danh hạnh tương xứng, chân thật là bậc đại nhân. Trong thì hợp với tam nghiệp Như Lai, theo

trí tuệ mà hành xứng hợp căn cơ mà bố thí giáo hóa, danh xứng vang khắp đức bao trùm pháp giới. Xưa dùng mười phương hư-không, nơi chốn được từ bi gia bị gọi là nước, tam thiên là ấp, một tứ thiên hạ là tụ lạc. Lại, đại thiên là nước, trung thiên là ấp, tiểu thiên là tụ lạc. Nay đều không dùng. Đại luận quyển sáu mươi nói: “Nhu thuận nhân làm tụ lạc, vô sinh nhân Tam-bồ-đề làm thành, nhân quả cùng làm thí dụ”. Kinh nay dùng thẳng quả đức làm thí, cõi Thật báo làm nước, cõi Hữu dư làm ấp, cõi Đồng cư làm tụ lạc. Từ bản thù tích, nhiếp tích trở lại bản. Danh hạnh tương xứng, không có phân biệt chủ khách, sáng suốt rõ ràng tràn đầy biển lớn biển khắp ba cõi.

b. Nêu vị hiệu, chia làm ba: Trưởng giả thế gian. Trưởng giả xuất thế. Quán tâm Trưởng giả.

- *Trưởng giả thế gian đủ mười đức*: 1. Dòng họ tôn quý. 2. Địa vị cao. 3. Đại phú. 4. Uy mãnh. 5. Trí sâu. 6. Cao (niên) tuổi. 7. Tu hành thanh tịnh. 8. Đủ lễ nghi. 9. Trên tán thán. 10. Dưới nương theo. Dòng họ thì có dòng dõi Tam hoàng, Ngũ đế, gia tộc Tả Điều Hữu Bộ. Địa vị cao tột thì đến chức Thừa tướng Diêm mai, A Vệ. Phú thì tiền bạc vàng đầy kho, giàu có dư dật, phung phí xa xỉ. Uy là nghiêm trang lạnh lùng long trọng nghiêm túc tự nhiên. Trí thì chứa trong lòng như kho chứa binh khí quyền biến kỳ đặc vượt bậc hơn mọi người. Tuổi thì tóc hoa râu, oai phong chững chạc mọi người đều kính nể. Hành động thì trong sáng như ngọc khuê không một tí vết, việc làm như lời nói. Lễ thì chừng mực thứ bậc làm phép tắc cho đời. Trên thì là người đáng kính bậc nhất. Dưới thì thiên hạ nương theo. Mười đức đầy đủ như vậy gọi là đại Trưởng giả.

- *Trưởng giả xuất thế gian*: Đức Phật ở trong ba đời chân như thật tế sinh ra, công thành đạo đủ mười hiệu vô cực, pháp thí tài thí, vạn đức thấy đều đầy đủ, thập lực hùng mạnh, hàng ma chế phục ngoại đạo, nhất tâm tam trí thấy đều thông đạt, sớm thành chánh giác lâu xa như đây, tam nghiệp theo trí vận động không lầm lẫn, đủ oai nghi Phật tâm lớn như biển, mười phương chủng giác cùng khen ngợi bảy thứ phương tiện cùng đến y chỉ, đó gọi là Phật đại trưởng giả xuất thế.

- *Quán tâm trưởng giả*: Quán tâm là trí tuệ từ nơi thật tướng xuất ra, sinh trong dòng Phật chủng tánh chân chánh, tam Hoặc không khởi, tuy chưa phát chân, đó là mặc áo Như Lai, gọi là Tịch diệt nhân, tam đế hàm chứa hết thấy công đức, trí tuệ chánh quán hàng phục ái kiến, trung đạo song chiếu Quyền Thật đều sáng tỏ. Đã lâu tích chứa căn lành, năng tu quán này, quán này vượt lên trên bảy thứ phương tiện.

Quán này là quán tâm tánh, gọi là thượng định. Ba nghiệp không lỗi, trải duyên đối cảnh oai nghi không mất. Năng quán như đây là tướng tin hiểu sâu xa. Chư Phật đều hoan hỷ, tán thán người trì pháp, thiên long bốn bộ cung kính cúng dường. Văn dưới nói: “Phật tử trụ địa này, tức là Phật thọ dụng, kinh hành và nằm ngồi”. Đã gọi người này là Phật, đâu không gọi là Quán tâm trưởng giả?

Nay dùng mười đức ghi chép kinh nghĩa đầy đủ mà thiếu một điều. Quốc ấp tụ lạc có đại trưởng giả, ba chỗ xứng tán là Đại, sao chẳng phải tánh tôn quý? Trưởng giả sao không phải địa vị cao? Suy yếu sao không phải tuổi già? Tài phú vô thượng sao không phải giàu sang đầy đủ? Có nhiều ruộng vườn nhà cửa sao không phải trí tuệ thâm sâu? Có nhiều nô bộc hầu hạ sao không phải thế lực mạnh? Nhà kia rộng lớn sao không phải thầy đức hạnh? Chỉ có một cửa sao không phải lễ tiết dạy người một lối đi? Nhiều người ở trong đó, tức nói người dưới nương theo. Chỉ thiếu một điều là thượng nhân được cung kính, nay dùng chữ “Đại” bao gồm ý đó. Người mà mọi người đều biết, nên gọi là “Đại”.

Từ “Tuổi đã già suy” trở xuống, là tán thán đức nghiệp. Đức có trong ngoài, trong thì trí lược ngoài thì cửa cải. Tuổi cao biết nhiều thông cả xưa nay ví như Trí đức của Phật. Căn già suy mà chí thuần thực, ví như Đoạn đức của Phật. “Tài phú” là dụ cho đức bên ngoài, “vô lượng” là tổng thí vạn đức, “nhà ruộng” là biệt thí. Ruộng (điền) năng nuôi mạng, dụ cho thiền định nuôi dưỡng Bát-nhã. Nhà là chỗ để nương thân, cho cảnh thật là chỗ cho trí tuệ nương tựa. Lược thì có mười tám cửa không, rộng thì vô lượng cửa không. Nếu luận về phước đức thì không hạnh nào mà không tu, nếu luận trí tuệ thì không cảnh nào mà không chiếu, cho nên nói: “Có nhiều nhà ruộng”. “Đồng bộc (Tôi tớ)” là người giúp việc hầu hạ người khác, dụ cho phương tiện tri kiến đều đã đầy đủ. Hòa ánh sáng vào sáu đường chúng sinh, khéo thuận vạn căn cơ, tức tôi tớ của thật trí.

2. “*Nhà ông rộng lớn*”, Nhà là dụ cho nơi an ổn đối với tam giới không an ổn bên trên. Chúng sinh trong hàng hốc đều ở trong nhà tam giới, Như Lai ứng hiện giáo hóa tất cả giống như nuôi họ trong nhà, nên nói “rộng lớn”.

3. “*Chỉ có một cửa*”: Thí dụ văn trên các pháp môn tuyên bày Phật đạo. Đạo Tràng Quán nói: Lý Thật tướng thì không khác, tuệ cũng thích hợp với Nhất, thoát ra không có đường nào khác, cho nên nói “một cửa”. Sư Pháp Vân ở chùa Quang Trạch nói: Ba cõi tuy rộng, chín, mười giới tuy nhiều, nhưng nếu muốn thoát ra thì chỉ là Phật giáo, cho nên nói

“một cửa”. Nay nêu rõ: Nếu riêng lý làm cửa, mà lý không có thông nghẽn thì nghĩa gì là cửa? Nếu riêng giáo là cửa, thì sao các kinh không nêu ra? Nay chọn lý làm giáo sở thuyên. Văn nói dùng Phật giáo môn, vượt khỏi ba cõi, đắc chứng Niết-bàn. Môn lại có hai loại: Trạch (nhà) môn, xa môn. “Trạch” là sinh tử, “môn” là con đường chính để thoát ra. Đây là thuyên bày giáo lý phương tiện. “Xa” là pháp Đại thừa, “môn” là thuyên bày viên giáo. Nếu Trạch môn là Xa môn thì ban đầu tam xa (ba xe) cứu con cũng tức là đồng ban cho Đại xa (xe lớn). Nếu “môn” là chỗ để mà ra, không phải là chỗ để mà vào, thì nghiệm ra rằng Xa môn và Trạch môn khác nhau.

4. “*Năm trăm người*” là dụ cho chúng sinh, tức năm đường chúng sinh.

5. “*Nhà dưới lầu gác mục*” là thí dụ văn trên pháp an ổn đối với pháp không an ổn là năm trước vậy. Trước nêu tướng nhà bị cháy, dụ cho quả báo trong sáu đường, tiếp nêu lửa năng thiêu, dụ cho tám khổ năm trước. “Nhà dưới” ví như Dục Giới, “Lầu gác” ví như Sắc giới và Vô sắc giới. “Vách phen” dụ cho bốn đại, “sụp đổ” dụ cho tổn giảm, “xiêu ngã” dụ cho biến đổi. “Chân cột” dụ cho mạng. “Kèo cột” dụ cho ý thức. “Hư nát” dụ cho nguy hiểm sắp đến. Muốn cho dễ hiểu thì hãy xem: “Nhà dưới” dụ cho thân là phần dưới “gác” dụ cho đầu... là phần trên, “tường vách” dụ cho da thịt, “sụp đổ” dụ cho già yếu, “chân cột” dụ cho hai chân, “mục nát” dụ cho vô thường, “kèo cột” dụ cho xương cốt, “xiêu ngã” dụ cho trăm tuổi, “bốn bề che chắn co duỗi” là dụ cho đại tràng tiểu tràng, lại nói dụ cho tim vậy... “Giáp vòng bốn phía”... là nêu rõ lửa thiêu đốt, tám khổ biến khắp tứ đại tứ sinh cho nên nói “giáp vòng”. Thấy đều vô thường cho nên nói “đồng một lúc”. Bồng nhiên là dụ cho xưa không nay có, xưa vốn không có khổ này mà do vô minh cho nên có.

6. “*Các người con của trưởng giả*” trở xuống. “Ba mươi người” là dụ cho bên trên nói: “biết chúng sinh tánh dục”, từng tu tập Phật pháp, tương quan thiên tánh là nghĩa “con”. Tánh dục có sai khác “hoặc mười” là Bồ-tát; “hoặc hai mươi hoặc ba mươi” là nhị thừa. Những căn cơ này đều được ra khỏi nhà, cho nên gọi là “con”. Không có căn cơ này là “năm trăm người”; hoặc giả Bích-chi-phật ẩn hiện không đồng, hoặc thuộc Tiểu thừa hoặc thuộc Trung thừa. Đều nói “mười”, là đều có tánh của Thập trí, cho nên nói: “Trong có trí tánh”. Chỉ vì không có tánh của Như thật trí đó thôi! Ở phần trên thì ba bài kệ trước tụng Thật, sau tụng Quyền, nay trong Tổng thí thì trước Thật sau Quyền...